

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23.4.2025

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HUNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Liên và bà Đào Thị Hải Lý.

-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: bà Phạm Thị Thơ-Thư ký
Toà án nhân dân huyện Kim Động.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên
tòa:*** bà Vũ Thị Thanh Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 134/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972. Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

2. Bị đơn: ông Đào Văn Đ, sinh năm 1970. Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cháu Đào Bảo N, sinh ngày 31/10/2013, hiện nay đang ở với bà H (mẹ đẻ cháu).

Người đại diện theo pháp luật cho cháu N: bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đào Văn Đ.

4. Người làm chứng: chị Đào Thuý L, sinh năm 2001. Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và lời khai của bà Nguyễn Thị Hương thể hiện: bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đào Văn Đ là hai người khác địa phương, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên), ngày 05/3/1996.

Bà H có họ tên là Nguyễn Thị Thu H, nhưng giấy Chứng nhận kết hôn của bà và ông Đ ghi họ tên bà là Nguyễn Thị H. Đến năm 2018 bà đã làm thủ tục cải chính hộ tịch chữ đệm trong sổ đăng ký kết hôn và giấy Chứng nhận kết hôn. Ngày 19/11/2018 UBND huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, đã ra Trích lục Cải chính hộ tịch số 89/TLCCHT-BS, xác nhận họ, chữ đệm, tên từ Nguyễn Thị H thành Nguyễn Thị Thu H.

Bà H và ông Đ chung sống bình thường đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế, ông Đ thường xuyên rượu chè và không có trách nhiệm gì với gia đình, bà nghe dư luận bên ngoài là ông Đ còn có quan hệ ngoại tình với nhiều người phụ nữ khác, khi bà nói chuyện với ông Đ thì ông Đ chửi đánh bà làm ảnh hưởng đến sức khoẻ và tinh thần của bà, khiến bà chán nản, tình cảm vợ chồng dần nứt. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2024 đến nay. Bà H xác định vợ chồng không còn tình cảm nên không thể về đoàn tụ chung sống với nhau được nữa, bà xin được ly hôn ông Đ.

Về con chung: bà H và ông Đ có 03 con chung là: Đào Thị Hồng N, sinh năm 1996; Đào Thuý L, sinh năm 2001 và Đào Bảo N, sinh ngày 31/10/2013. Nếu ly hôn, bà đề nghị được tiếp tục nuôi cháu N đến tuổi thành niên, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con; đối với chị N và chị L đã thành niên, bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng canh tác: bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn ông Đào Văn Đ đã được Toà án giao giấy triệu tập đến Toà án làm việc; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Đ không đến làm việc và không tham gia phiên họp theo yêu cầu của Toà án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Đào Bảo N trình bày: cháu có biết việc mẹ cháu xin ly hôn bố cháu. Cháu thấy bố mẹ hay cãi nhau trong làm ăn kinh tế, từ tháng 5/2024 bố mẹ cháu không chung sống với nhau nữa, thỉnh thoảng bố cháu mới về. Cháu mong muốn bố mẹ không ly hôn. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin ở với mẹ.

* Người làm chứng chị Đào Thuý L trình bày: chị là con gái thứ hai của bà H và ông Đ. Chị hiện nay vẫn sống cùng bố mẹ. Bố mẹ chị mâu

thuần từ nhiều năm nay do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và trong làm ăn kinh tế, bà H có nghe thấy việc ông Đ có người phụ nữ khác, bà H có nói chuyện với ông Đ nhưng ông Đ đánh chửi bà H, gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, bố mẹ chị đã ly thân từ tháng 5/2024 đến nay. Nay bà H có đơn xin ly hôn ông Đ, chị xác định bố mẹ chị không còn tình cảm với nhau, chung sống không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho mẹ chị được ly hôn bố chị, để mẹ con chị ổn định cuộc sống và yên ổn làm ăn. Bố mẹ chị sinh được ba người con như bà H trình bày trên. Đề nghị Tòa án giao em N cho mẹ chị được tiếp tục nuôi dưỡng.

Mặc dù bà H, ông Đ sống ly thân nhưng thỉnh thoảng ông Đ vẫn về nhà ở thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên sinh sống và thường xuyên liên lạc với chị em chị qua điện thoại và qua ứng dụng Zalo. Những văn bản của Tòa án gửi cho ông Đ chị đều thông báo cho ông Đ.

* Qua xác minh tại địa phương, chính quyền địa phương cung cấp như sau: bà H và ông Đ là hai người khác địa phương. Bà H và ông Đ không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Toàn Thắng mà đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương, huyện Kim thi, tỉnh Hải Hưng cũ. Bà H, ông Đ sinh sống tại thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên và đã đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ đang sinh sống. Bà H, ông Đ sinh sống có 03 người con là Đào Thị Hồng N, sinh năm 1996; Đào Thuý L, sinh năm 2001 và Đào Bảo N, sinh ngày 31/10/2013. Địa phương không biết việc bà H, ông Đ mâu thuẫn như thế nào. Địa phương chỉ biết việc ông Đ có đi làm ăn, thỉnh thoảng có về gia đình. Bà H có đơn xin ly hôn ông Đ và giải quyết về con chung khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: bà giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn ông Đào Văn Đ. Về con chung: bà xin được nuôi con chung của vợ chồng là cháu Đào Văn N, sinh ngày 31/10/2013 đến khi thành niên và bà tự nguyện không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Đào Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích về tình trạng hôn nhân của bà H và ông Đ đã đề nghị như sau: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H, xử cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn ông Đào Văn Đ. Về

con chung: giao cho bà H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đào Bảo N đến tuổi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, công sức, công nợ: không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn ông Đào Văn Đ, có nơi cư trú tại: thôn A, xã T, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà hôm nay vắng mặt ông Đào Văn Đ. Toà án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và các văn bản tố tụng khác của Toà án cho ông Đ đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, Toà án xét xử vụ án vắng mặt ông Đ, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đào Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Dương, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng ngày 05/3/1996 (nay là huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên). Như vậy, hôn nhân của bà H và ông Đ là hợp pháp. Bà H xin ly hôn ông Đ, sẽ được áp dụng luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Căn cứ lời khai của bà H và lời khai của người làm chứng, có đủ cơ sở xác định, bà H và ông Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày và trong làm ăn kinh tế, đã ly thân từ tháng 5/2024 đến nay. Bà H xác định bà không thể tiếp tục chung sống với ông Đ được nữa, bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đ. Xét thấy, quá trình Toà án tiến hành giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập ông Đ đến làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật, tuy nhiên ông Đ không đến Toà án làm việc và tham gia phiên họp. Việc ông Đ không đến Toà án làm việc, không tham gia phiên hoà giải tại Toà án đã thể hiện việc ông Đ không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xử cho bà H được ly hôn của ông Đ là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà H và ông Đ có 03 con chung là Đào Thị Hồng N, sinh năm 1996; Đào Thuý L, sinh năm 2001 và Đào Bảo N, sinh ngày 31/10/2013. Hiện nay chị N và chị L đã thành niên bà H không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với cháu N, hiện nay đang ở với bà H, nếu ly hôn bà H

xin được tiếp tục nuôi cháu N đến khi cháu thành niên. Bà H tự nguyện không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, cháu N còn nhỏ, đang đi học và đang ở ổn định với bà H. Cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ là bà H. Bà H hiện nay đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N. Do vậy giao cho bà H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N. Chấp nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: bà H không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: bà H phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn ông Đào Văn Đ.

2. Về con chung: giao cho bà H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Đào Bảo N, sinh ngày 31/10/2013, đến khi cháu thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: không giải quyết.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001665 ngày 13/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, người có mặt được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Đào Dương, H, Ân Thi;
- VKSND huyện Kim Động;
- Chi cục THADS huyện Kim Động;
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ngọc Oanh